

NHẬN THỨC VÀ THÁI ĐỘ CỦA TRẺ VỊ THÀNH NIÊN VỀ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA MÌNH

Phan Thị Định

Học viện Cảnh sát nhân dân.

1. Đặt vấn đề

Thực tế hiện nay số vị thành niên (VTN) có hành vi vi phạm pháp luật (HVVPL) ngày càng gia tăng. Đứng ở góc độ khoa học hiểu được VTN có HVVPL nhận thức đúng hay sai và có thái độ như thế nào về HVVPL của mình, từ đó tìm ra một số biện pháp nhằm phòng ngừa VTN phạm tội nói chung và VTN có hành vi VPPL nói riêng là điều hết sức cần thiết đối với mọi cấp, mọi ngành.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi hiểu khái niệm VTN có HVVPL như sau:

Hành vi vi phạm pháp luật: là những hành vi sai lệch các chuẩn mực pháp luật. Nó là một bộ phận cấu thành một tổng thể các hiện tượng sai lệch xã hội.

Trẻ VTN có HVVPL: là trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi có những hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật, không được xã hội chấp nhận. Biểu hiện là các em thường xuyên vi phạm các chuẩn mực pháp luật trong học tập, vui chơi, lao động ở gia đình, nhà trường hay ở tổ chức xã hội dẫn đến phạm tội.

Để có bức tranh tâm lý về nhận thức và thái độ của VTN có HVVPL, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu mặt nhận thức và thái độ trên 631 trẻ (610 nam và 21 nữ) ở trường Giáo dưỡng số 2 (TGD 2) trong đó nghiên cứu sâu 40 trẻ (30 nam và 10 nữ) bằng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp nghiên cứu lý luận; Phương pháp phỏng vấn sâu; Phương pháp nghiên cứu tiểu sử; Phương pháp điều tra viết; Phương pháp thống kê toán học.

2. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Trường Giáo dưỡng số 2 trực thuộc quản lý của Cục V26 - Bộ Công an. Trường đóng tại xã Mai Sơn, huyện Yên Mô - tỉnh Ninh Bình.

Trường quản lý và giáo dục đối tượng là trẻ VTN có HVVPPL theo Quyết định xử lý vi phạm hành chính.

Các em vào trường đều được học văn hoá đến hết cấp 2 theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hàng ngày các em đi học một buổi, đi làm một buổi.

Bảng 1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Khách thể		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
Trình độ văn hoá	Mù chữ	17	2,8	0	0	17	2,7
	Cấp 1	210	34,4	1	4,8	211	33,4
	Cấp 2	216	35,6	3	14,3	219	34,5
	Cấp 3	167	27,4	17	80,9	184	29,2
Số lần vào trường	Lần 2	20	3,3	8	38	28	4,4
	Lần 3	1	0,18	0	0	1	0,16
Độ tuổi	12-14 tuổi	190	31,2	0	0	190	30,1
	14-16 tuổi	197	32,5	4	19,1	201	32,1
	16-18 tuổi	223	36,5	17	80,9	240	38,0

Qua nghiên cứu chúng tôi thấy, VTN thực hiện HVVPPL đều đang ở độ tuổi đi học (bậc tiểu học hoặc THCS) và đa số các em đều có trình độ tương đương với độ tuổi mà các em theo học. Điều đó cho thấy đa số các em đều đến trường học và đều có khả năng tiếp thu những tri thức phổ thông như các bạn cùng trang lứa, về mặt trí tuệ các em không thua kém những trẻ khác, nhưng vì những lý do nào đó mà các em bỏ học rồi thực hiện HVVPPL.

Tuy nhiên, so với trẻ bình thường, VTN vi phạm pháp luật tỏ ra sành sỏi, tháo vát hơn trong việc nhận thức về tự nhiên, xã hội, nhất là những thiếu sót tiêu cực, mưu trí trong việc thực hiện hành vi phạm tội, các em coi thường việc học tập và cho rằng “văn hay chữ tốt không bằng học dốt nhiều tiền”.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Nhận thức của trẻ VTN về mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật của bản thân

Bảng 2: Nhận thức của trẻ VTN về mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật của bản thân

Giới tính Mức độ	Nam		Nữ		Tổng	
	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
Có hiểu	20	66.6	5	50.0	25	62.5
Hiểu lơ mơ	6	20.0	2	20.0	8	20.0
Không hiểu	4	13.3	3	30.0	7	17.5

Kết quả bảng 2 cho thấy, phần đông các em trả lời rằng trước khi có HVVPPL, các em đã ý thức được mức độ nguy hiểm của hành vi do mình gây ra (62,5%).

Chỉ có ít em không ý thức được mức độ nguy hiểm của HVVPPL mà thực hiện (7/40 em chiếm 17,5%). So sánh giữa nam và nữ ta thấy có sự chênh lệch trong việc hiểu mức độ nguy hiểm về HVVPPL do mình gây ra (nam là 66,6% và nữ là 50,0%).

Với VTN có HVVPPL thì trong suy nghĩ của các em thường nặng về vật chất tâm thường, không còn hứng thú học tập, hiểu biết như trẻ khác. Theo nhận xét của TS Nguyễn Thị Minh Tâm “Nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng gia tăng tội phạm ở người chưa thành niên là do sự nhận thức kém về đời sống xã hội cũng như thiếu hiểu biết về pháp luật trong giới trẻ”⁽¹⁾ dẫn đến sự phiến diện, thiếu hệ thống, vay mượn qua sách vở, bắt chước người lớn. Ở lứa tuổi này, các em tự cho mình “quyền” tự do, nhưng đôi lúc các em lại tự do hành động một cách tùy tiện. Người chưa thành niên phạm tội muốn có những đặc quyền của người lớn, nhưng chúng lại không hiểu rằng những quyền lợi này lại gắn liền với trách nhiệm. Có nghĩa là họ phải hành động theo đúng pháp luật và những chuẩn mực xã hội. Đa số người chưa thành niên phạm tội chỉ nhận ra điều này khi các em phải trực tiếp đối mặt với những hình phạt được quy định do tội danh của mình gây ra.

Ở các em nổi lên mâu thuẫn gay gắt giữa nhận thức và hành động, giữa lời nói và việc làm, nói hay làm dở, nói rồi bỏ đấy, nhận khuyết điểm khá sâu sắc song không có ý chí sửa chữa.

Đánh giá nhận xét của các em về hành vi, chuẩn mực, các khái niệm đạo đức thẩm mỹ còn chứa đựng yếu tố chủ quan, non nớt, ngộ nhận, lầm lẫn. Chẳng hạn, sự ngang bướng được cho là thẳng thắn tự trọng; ngang tàng, sĩ diện cá nhân được coi là người quân tử.

3.2. Nhận thức của trẻ VTN về nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật

Khi nghiên cứu về nhận thức của VTN về nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật, chúng tôi thu được bảng sau:

Bảng 3: Nhận thức của trẻ VTN về nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật

TT	Nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật	Nam		Nữ		Tổng	
		SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	Bố mẹ mãi kiếm tiền	5	16.6	2	20.0	7	17.5
2	Đua đòi bắt chước bạn bè	3	10.0	1	10.0	4	10.0
3	Chán học	7	23.3	1	10.0	8	20.0
4	Bố mẹ hay cãi nhau	14	46.6	6	60.0	20	50.0
5	Các nguyên nhân khác	1	3.33	0	0	1	2.5

Khi hỏi các em nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện HVVPPL, đa số các em cho rằng do gia đình không hạnh phúc, bố mẹ hay cãi nhau làm cho các em chán đời bỏ nhà ra đi (50,0%). Khi nghiên cứu hồ sơ và phỏng vấn trực tiếp 65 em một cách ngẫu nhiên, chúng tôi thấy đa số các em sinh ra trong gia đình không hoàn hảo (38/65 em chiếm 59%); số còn lại nếu là gia đình hoàn hảo thì bố mẹ lại đánh chửi nhau suốt ngày. Một số em còn cho rằng gia đình là nơi khó chịu vì suốt ngày bị "đánh, chửi" hoặc "không tìm thấy bầu không khí thân thiện trong gia đình". Theo các em, gia đình hà khắc đối với các em (đánh đập, chửi mắng, xỉ vả, cấm đoán...), ép buộc các em làm theo khuôn mẫu cứng nhắc, bố mẹ lạm dụng quyền uy của mình đã tạo ra khoảng cách giữa cha mẹ và con cái, làm cho các em sợ hãi đối phó và luôn tìm cách che đậy tội lỗi, nói dối để

tránh sự trừng phạt, tâm lý căng thẳng làm cho các em tìm cách thoát khỏi sự ràng buộc đó trên đường phố, ngoài xã hội, cái xấu xâm nhập và dẫn đến hư hỏng.

3.3. Thái độ của trẻ đối với bản thân

Bảng 4: Thái độ của trẻ đối với bản thân

STT	Nội dung	Nam		Nữ		Tổng	
		Điểm TB	Xếp bậc	Điểm TB	Xếp bậc	Điểm TB	Xếp bậc
1	Em cảm thấy rất ân hận, day dứt về những việc đã làm	2,30	6	2,30	6	2,30	6
2	Em cảm thấy mình bất hạnh	1,47	16	1,70	13	1,53	16
3	Em muốn xa lánh, trốn chạy khỏi mọi người	2,84	1	2,8	1	2,83	1
4	Em cảm thấy không ai quan tâm đến em	1,67	15	1,70	13	1,68	15
5	Em cảm thấy cuộc sống bất công với em	1,80	13	2,10	9	1,88	13
6	Em cảm thấy mình là vô tích sự	2,33	5	2,50	4	2,38	5
7	Em thích trò chuyện với bạn khác	1,03	20	0,40	20	0,88	20
8	Em thấy các bạn không thích em	2,17	9	1,80	12	2,08	11
9	Em thấy thất vọng về cuộc sống sau này	2,47	4	2,60	3	2,50	4
10	Em lo lắng về những bất hạnh rủi ro	2,17	9	2,70	2	2,30	6
11	Em thấy mệt mỏi và lo âu	1,77	14	1,60	16	1,73	14
12	Em cảm thấy mình không có cơ hội	2,07	12	2,00	11	2,05	12
13	Mỗi khi nghĩ lại em thấy rất ăn năn lo sợ	2,10	11	2,10	9	2,10	9
14	Em thấy cha mẹ em không thích em	1,07	19	1,60	16	1,20	19

15	Em có cảm giác không có gì thay đổi so với trước đây	1,47	16	1,40	18	1,45	17
16	Mọi lúc, mọi nơi em đều cảm thấy là người có lỗi với mọi việc mình đã làm	2,70	2	2,50	4	2,65	2
17	Em không thích tiếp xúc với người khác và đồ vật như trước đây	2,60	3	2,30	6	2,52	3
18	Em luôn nghĩ về hành vi phạm tội của mình	2,27	7	2,20	8	2,25	8
19	Em ước gì giá như mình không được sinh ra	2,23	8	1,70	13	2,10	9
20	Em cảm thấy mình không có lỗi nhưng cũng cần phải nghĩ lại	1,30	18	1,20	19	1,28	18

Xếp ở vị trí thứ nhất là "Muốn trốn chạy khỏi mọi người" với $X = 2,83$. "Mọi lúc, mọi nơi em đều cảm thấy có lỗi với mọi việc mình đã làm" là tâm trạng mà các em xếp thứ bậc 2 với $X = 2,65$. Ở vị trí tiếp theo là "Em không thích tiếp xúc với người khác và đồ vật như trước đây" với $X = 2,52$.

Đa số các em đều tỏ ra hối hận, day dứt, tự dày vò lương tâm. Các em luôn mặc cảm về chính bản thân mình đối với xã hội. Và đứng trước mọi người, các em luôn co mình vào một "ốc đảo" mà ít người chú ý đến. Điều đó chứng tỏ rằng bên ngoài vẻ lạnh lùng, lì lợm là cả một thế giới cảm xúc nóng bỏng luôn hướng thiện, mong muốn sửa chữa sai lầm để làm cho bố mẹ, người thân yên lòng. Các em lo sợ nhất là mọi người xa lánh, mất niềm tin ở các em.

3.4. Thái độ của trẻ đối với những người xung quanh

Bảng 5: Thái độ của trẻ đối với những người xung quanh

Nội dung Giới tính		Khi ở trường em hay nhớ về				Khi có chuyện buồn em muốn thổ lộ cùng			
		Cha mẹ	Thầy cô	Bạn bè	Người đỡ đầu	Cha mẹ	Thầy cô	Bạn bè	Người đỡ đầu
Nam	SL	18	4	6	2	16	7	4	3
	TS%	60	13	20	7	53,3	23,3	13,3	10

Nữ	SL	5	1	3	1	5	2	3	0
	TS%	50	10	30	10	50	20	30	0
Tổng	SL	23	5	9	3	21	9	7	3
	TS%	57,5	12,5	22,5	7,5	52,5	22,5	17,5	7,5

Cha mẹ là người các em thương yêu hơn cả (57,5%) và khi có chuyện buồn thì đa số các em muốn tâm sự cùng với cha mẹ (52,5%).

Chỉ có 12,5% các em nghĩ về thầy cô giáo và mỗi khi có chuyện 22,5% các em muốn thổ lộ cùng thầy cô giáo.

Gia đình không hòa thuận, tan vỡ, không nơi nương tựa, bị đối xử hà khắc trong gia đình, theo các em, là nguyên nhân làm cho các em chịu nhiều thiệt thòi về mặt tình cảm, có tâm lý tiêu cực bất cần, không quan tâm tôn trọng người khác, có thái độ chống đối (công khai hay ngầm ngấm) đối với các biện pháp trừng phạt cấm đoán. Tuy nhiên, trong những tình cảm sâu kín, ràng buộc như đối với gia đình (bố, mẹ, anh em...) và những người thân, vẫn lắng đọng trong các em, nếu được khơi gợi yêu thương, chăm sóc các em dễ tin tưởng nghe theo.

Khi hỏi “Các em có cảm thấy cô đơn nhớ nhà không?” thì có tới 52,5% các em trả lời có, nhưng có đến 35% các em trả lời không muốn có người thân đến thăm, 27,5% các em trả lời rất muốn người thân đến thăm và 37,5% các em trả lời muốn có người thân đến thăm.

Đa số các em vào trường đều nhận rõ lỗi lầm và yên tâm ở lại trường học tập. Thể hiện 92,5% các em chưa vi phạm nội quy nhà trường, 70% các em không hề có ý định trốn trường.

4. Kết luận và một số kiến nghị

4.1. Kết luận

Qua nghiên cứu về nhận thức và thái độ của các em học sinh ở độ tuổi vị thành niên đang học tập, rèn luyện tại TGD số 2, Cục V26 – Bộ Công an về HVVPPL của mình, chúng tôi thấy:

1. Đa số các em đều nhận thức được mức độ nguy hiểm của hành vi do mình gây ra và mong muốn có điều kiện để sửa chữa lỗi lầm. Tuy nhiên, mức độ nhận thức có khác nhau.

2. Phần lớn các em đều tỏ ra hối lỗi, day dứt về những hành vi của mình

đã để lại hậu quả nghiêm trọng cho gia đình và xã hội.

3. Các em có tâm lý bình thường và yên tâm ở lại trường học văn hoá, học nghề và rèn luyện để mau chóng được về đoàn tụ với gia đình.

4. Ngoài vẻ lạnh lùng hay thờ ơ bên ngoài, trong mỗi em còn có đức tính sẵn sàng chấp nhận tình bạn, tình thương và sự chăm sóc của những người làm công tác giáo dục có những hình thức quản lý phù hợp. Các em mong muốn có sự quan tâm của gia đình, nhà trường, xã hội.

4.2. Kiến nghị

Để phòng ngừa VTN có HVVPPL và VTN đã thực hiện HVVPPL, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

*** Về phía gia đình:**

Người lớn trong gia đình cần phải phấn đấu trở thành tấm gương sáng về mọi mặt cho các em noi theo. Có phương pháp giáo dục con cái khoa học, không nuông chiều con quá mức.

Khi con cái đã phạm lỗi thì phải dùng tình cảm để giáo dục, giúp chúng nhận rõ lỗi lầm của mình, làm cho trẻ không bị tách biệt khỏi gia đình và cộng đồng của mình, đồng thời bản thân trẻ cũng dễ dàng chấp nhận xã hội.

*** Về phía đoàn thể, xã hội:**

Xây dựng lòng tin cho trẻ theo cả hai hướng là tin vào trẻ và được trẻ tin. Trong trường hợp thứ nhất là phải tin vào những khả năng của trẻ có thể học hỏi được, có thể tiến bộ được và các em vẫn có ích cho đời. Trong trường hợp thứ hai, cần được các em tin tưởng người lớn là những người nghiêm túc, chân thật, biết giữ lời hứa, luôn sẵn sàng giúp đỡ các em, biết chia sẻ khó khăn với các em.

Phải tạo ra cho các em thời gian, không gian và cơ hội để các em sống, trưởng thành và phát triển hài hoà trong một bầu không khí thân thiện.

Cần có các hoạt động tư vấn gia đình tích cực để giúp cho các gia đình thực sự trở thành tế bào tốt của xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Báo An ninh thế giới số tháng 10 năm 2005, trang 12.
2. Lê-vi-tốp. *Tâm lý học sư phạm và lứa tuổi*. NXB Giáo dục, 1998.
3. *Trẻ em cũng là con người*. Tài liệu tập huấn Cảnh sát hỗ trợ Tư pháp Philippin- 2001.
4. *Tài liệu làm quen với trẻ có hoàn cảnh đặc biệt*. Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển Radda barnen- 2001.